

Số: 285 /NMĐTB2-KTATMT
V/v cung cấp báo giá mua sắm vật tư tiêu hao
cơ cho hệ thống nhiên liệu đợt 1 – NMNĐ
Thái Bình 2

Thái Bình, ngày 13 tháng 02 năm 2025

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đang có nhu cầu triển khai mua sắm vật tư tiêu hao cơ cho hệ thống nhiên liệu đợt 1. Được biết Quý Công ty là đơn vị có năng lực, kinh nghiệm trong việc cung cấp vật tư/thiết bị và dịch vụ cho các Nhà máy nhiệt điện, đề nghị Quý Công ty quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá cho hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc:
 - ✓ Danh mục hàng hóa như đính kèm;
 - ✓ Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành tối thiểu 12 tháng.
- Tiến độ cung cấp: do Nhà cung cấp đề xuất nhưng không quá 140 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.
- Địa điểm giao hàng: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.
- Hiệu lực báo giá: 30 ngày kể từ ngày báo giá.
- Thời gian gửi báo giá: không muộn hơn 9h00 ngày 21/02/2025.
- Báo giá được ký tên, đóng dấu bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Công ty.
- Phương thức gửi báo giá: Gửi trực tiếp qua bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.
- Thông tin liên hệ:
 - ✓ Người nhận: Hà Duy Phú, Phòng KTATMT;
 - ✓ Địa chỉ: Xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
 - ✓ Số điện thoại liên hệ: 0344616886; Email: phuhd@pvpgb.vn; hungbb@pvpgb.vn.

Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- CNPD DK (để b/c);
- GĐ NM (để b/c);
- Phòng: TM (để t/h);
- Lưu: VT, KTATMT (H.D.P: 1 b).

Đính kèm:

- Phạm vi công việc.

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ THÁI BÌNH 2**



Nguyễn Văn Chung

Xã Mỹ Lộc - huyện Thái Thụy - tỉnh Thái Bình
ĐT: 02273.721.515; Fax: 02273.721.678



DANH MỤC VẬT TƯ TIÊU HAO CƠ CHO HỆ THỐNG NHIÊN LIỆU ĐỢT 1
(Đính kèm công văn số 285 /NMĐTB2-KTATMT ngày 13 /02/2025)

TT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất Xứ	Đơn vị	Số lượng
A	PHẦN CƠ KHÍ					
I	Hệ thống băng tải than					
1	Pulley tăng góc ôm băng tải 11/12, 31/32, 41/42, 51/52, 61/62, 71/72, 81/82, 91/92	Vỏ gối vòng bi loại SNT 515-612	SNT 515-612	TIMKEN	Cái	2
2		Vòng bi 22215	22215KEJW33C3	TIMKEN	Cái	4
3		Ổng lót côn H315	H315	TIMKEN	Cái	4
4		Lock nut KM15	KM15	TIMKEN	Cái	4
5		Vòng hãm MB15	MB15	TIMKEN	Cái	4
6		Seal LO515	LO515	TIMKEN	Cái	8
7		Vòng chặn SR130x12.5	SR130x12.5	TIMKEN	Cái	8
8	Pulley chuyển hướng băng tải 11/12, 31/32, 51/52, 61/62, 71/72, 81/82, 91/92 Pulley tăng góc ôm băng tải 21/22	Vỏ gối vòng bi loại SNT 518-615	SNT 518-615	TIMKEN	Cái	2
9		Vòng bi 22218	22218KEJW33C3	TIMKEN	Cái	6
10		Ổng lót côn H318	H318	TIMKEN	Cái	6
11		Lock nut KM18	KM18	TIMKEN	Cái	6
12		Vòng hãm MB18	MB18	TIMKEN	Cái	6
13		Seal LO 518	LO 518	TIMKEN	Cái	10
14		Vòng chặn SR160X12.5	SR160X12.5	TIMKEN	Cái	10
15	Pulley bị động và tạ căng băng tải 11/12, 31/32, 51/52, 61/62, 71/72, Pulley chuyển hướng 41/42 Pulley tạ căng băng tải 81/82, 91/92 Pulley chủ động và bị động băng tải 83/84	Vỏ gối vòng bi loại FSNT 522-619	FSNT 522-619	TIMKEN	Cái	2
16		Vòng bi 22222	22222KEJW33C3	TIMKEN	Cái	6
17		Ổng lót côn H322	H322	TIMKEN	Cái	6
18		Lock nut	KM22	TIMKEN	Cái	6
19		Vòng hãm	MB22	TIMKEN	Cái	6
20		Seal LO522	LO522	TIMKEN	Cái	10



21		Vòng chặn SR200X13.5	SR200X13.5	TIMKEN	Cái	10
22	Pulley chuyển hướng băng tải 21/22. Pulley bị động băng tải 31/32, 81/82, 91/92 Pulley bị động và tạ căng băng băng tải 41/42, Pulley chủ động băng tải 51/52, 61/62	Vỏ gối vòng bi loại FSNT 528	FSNT 528	TIMKEN	Cái	2
23		Vòng bi 22228	22228KEJW33C3	TIMKEN	Cái	4
24		Ổng lót côn H3128	H3128	TIMKEN	Cái	4
25		Lock nut	KM28	TIMKEN	Cái	4
26		Vòng hãm	MB28	TIMKEN	Cái	4
27		Seal LO528	LO528	TIMKEN	Cái	8
28		Vòng chặn SR250X15	SR250X15	TIMKEN	Cái	8
29	Con lăn băng tải	CARRYING IDLER Ø133-600 -PSV2-N-6205, TYPE 01	CARRYING IDLER Ø133-600 -PSV2-N-6205, TYPE 01	Việt Nam	Cái	300
30	Con lăn băng tải	IMPACT IDLER Ø133/Ø89-600-PSV5-NA-6306, TYPE 04	IMPACT IDLER Ø133/Ø89-600-PSV5-NA-6306, TYPE 04	Việt Nam	Cái	300
31	Con lăn băng tải	RUB.DISC IDLER Ø133/89-900 - PSV2-NC-6205, TYPE 07	RUB.DISC IDLER Ø133/89-900 - PSV2-NC-6205, TYPE 07	Việt Nam	Cái	300
32	Con lăn băng tải	FLAT RETURN IDLER Ø133-1800 - PSV4-N-6206, TYPE 05	FLAT RETURN IDLER Ø133-1800 - PSV4-N-6206, TYPE 05	Việt Nam	Cái	60
33	Con lăn băng tải	IDLER BELT SCALE Ø133-600-PSV2-N-6205, TYPE 02	IDLER BELT SCALE Ø133-600-PSV2-N-6205, TYPE 02	Việt Nam	Cái	60
34	Con lăn băng tải	FINGER ROLLER Ø127/30-200-Ø127-200/329, TYPE 08	FINGER ROLLER Ø127/30-200-Ø127-200/329, TYPE 08	Việt Nam	Cái	10
II MÁY BỐC DỠ THAN						
1	Con lăn tỷ cấp	Con lăn tỷ cấp Ø168,3 x 240	Con lăn tỷ cấp Ø168,3 x 240	Việt Nam	Cái	20
2	Bộ kẹp ray	Spring, part ordering 21021616931JB-1-11-COIL SPRING KIT	Spring, part ordering 21021616931JB-1-11-COIL SPRING KIT	Hillmar	Bộ	2
3	Xy lanh thủy lực	Cylinde rpart ordering 21021616931JB-1-11-CYLINDER ASSY	Cylinde rpart ordering 21021616931JB-1-11-CYLINDER ASSY	Hillmar	Bộ	1
4	Xy lanh thủy lực cửa gió	Bộ seal làm kín xy lanh loại CDH1MF3/50/28A3X	Seal kit CDH1MF3/50/28A3X	REXROT H	Bộ	2
5		Bộ seal làm kín xy lanh loại CDH1MP5/140/90/390A3X	Seal kit CDH1MP5/140/90/390A3X	REXROT H	Bộ	2
6	Vú mỡ cho các chốt xoay	Grease Nipple DIN 3403 A AM10x1 Ms-58	AM10x1		Cái	100
7	Bơm thủy lực	gear pump PGH4-3X/032RE11VE4	PGH4-3X/032RE11VE4	Bosch Rexroth	Bộ	1



8	Lọc dầu thủy lực	element for return-line filter 1.0160 H10XL-A00-0-M Filterelement	1.0160 H10XL-A00-0-M Filterelement	Bosch Rexroth	Cái	5
9	Lọc dầu thủy lực	element for pressure filter 2.0063 H10XL-A00-0-M	2.0063 H10XL-A00-0-M	Bosch Rexroth	Cái	5
10	Vòng bi tang cuốn cáp nâng hạ và đóng mở gàu	Vòng bi SKF23138 CCK/W33	SKF23138 CCK/W33	SKF	Cái	4
11	Gioăng làm kín gối vòng bi tang cuốn cáp nâng hạ và đóng mở gàu	Oil seal Ø215/270x23	Ø215/270x23	SKF	Cái	8
III MÁY PHÁ ĐÓNG						
1	Rope sheaves nâng cần chính và cần phụ	Rope pulley Ø500/575/90x12mm (bao gồm bạc Ø90/110x90)	Ø500/575/90/ R=12mm (bao gồm bạc Ø90/110x90)	Bimat GmbH - Đức	Cái	8
2	Vòng bi nối cáp nâng hạ cần chính và cần phụ	LINK BEARING GE90-UK-2RS	GE90-UK-2RS	SKF	Cái	6
3	Bạc lót cổ quay cần chính	Bush Ø165/Ø150 x 100	Ø165/Ø150 x 100	Việt Nam	Cái	6
4	Con lăn treo tại hộp đỡ tải	Impact idler station compl.35° Roller 133/89x600 6206/30	133/89x600 6206/30	Việt Nam	Cái	20
5	Con lăn dẫn hướng răng cào cần phụ	GUIDING ROLLER COMPL. INA PWKR 80.2RS, (include: washer 31, nut M30)	WKR 80.2RS, (include: washer 31, nut M30)	Đức	Cái	20
6	Con lăn dẫn hướng răng cào cần Chính	GUIDING ROLLER COMPL. RD180, (include: washer 37, nut M36)	RD180, (include: washer 37, nut M36)	Đức	Cái	20
7	Vòng bi gối trục chủ động cần chính	Vòng bi 23064CCK/W33	23064CCK/W33	SKF thủy điện	Cái	2
8	Phốt chắn mỡ cụm đĩa xích cào cần chính	Ống lót côn OH3064H	OH3064H	SKF	Bộ	2
9	Vòng chặn gối trục chủ động cần chính	Vòng chặn FRB10/480	FRB10/480	SKF	Bộ	2
10	Vòng làm kín	Seal TS64	TS64	SKF	Bộ	2
11	Vòng bi gối trục bị động cần chính	Spherical roller bearing 23030 CC/W33	23030 CC/W33	SKF thủy điện	Cái	4
12	Gioăng làm kín gối trục bị động cần chính	SHAFT SEAL RING A150X180X15-BA	A150X180X15-BA	SKF	Cái	4
13	Bu lông liên kết	Bu long M16X230	M16X230		Bộ	12
14	Bu lông liên kết	M20X50-5.6 TZN	M20X50		Cái	12
15	Vòng đệm chống xoay	Vòng đệm chống xoay M20	M20		Cái	12
16	Ống lót	Ống lót 164/150x130x214	164/150x130x214	Việt Nam	Cái	4
17	Nắp gối trục bị động cần chính	Nắp gối Kích thước Ø375x154x20	Kích thước Ø375x154x20	Việt Nam	Cái	4
18	Vòng bi gối trục chủ động cần phụ	Vòng bi 23238 CC/W33	23238 CC/W33	SKF thủy điện	Cái	2
19	Phốt chắn mỡ cụm đĩa xích cào chủ động cần phụ	SHAFT SEAL RING A220X250X15-NB	A 220X250X15-NB	SKF	Cái	4
20	Vòng bi gối trục bị động cần phụ	Spherical roller bearing 23028 CC/W33	23028 CC/W33	SKF thủy điện	Cái	4



21	Gioăng làm kín gối trục bị động cần phụ	Shaft seal Ø140/170/15 BA 72NBR 902 - DIN 3760-A simrit	Shaft seal Ø140/170/15 BA 72NBR 902 - DIN 3760-A simrit	SKF	Cái	4
22	Bu lông liên kết	Bu lông M16x45, cấp bền 8.8	M16x45, cấp bền 8.8		Cái	24
23	Bu lông liên kết	Bu lông M20x60, cấp bền 8.8	M20x60, cấp bền 8.8		Cái	16
24	Lò xo xích cào phụ	Buffer spring Type R35a ; Ø 180/80 x 275	Type R35a ; Ø 180/80 x 275	Grueber	Bộ	4
25	Vú mỡ	Lubrication nipple AR 1/4 DIN 3404	Lubrication nipple AR 1/4 DIN 3404		Cái	100
IV	HỆ THỐNG MỠ TỰ ĐỘNG					
1	Ống mỡ	TUBE,ST37.4 NBK D 10,0X 1,5 C, part no 105-35025-5, nhà sản xuất Lincoln	ST37.4 NBK D 10,0X 1,5 C	Lincoln	Mét	100
2	Ống mỡ	HOSE PL300 NW4,0 HIGHFLEXIBLE DG, part no 111-35114-1, nhà sản xuất Lincoln	PL300 NW4,0 HIGHFLEXIBLE DG	Lincoln	Mét	50
3	Ống mỡ	HOSE STUD D6/NW4 F SHORT(THREAD.), part no 432-24162-1, nhà sản xuất Lincoln	D6/NW4 F SHORT(THREAD)	Lincoln	Bộ	32
4	Đầu nối ống mỡ	THREADED SLEEVE F.HOSE STUD, part no 432-23031-1, nhà sản xuất Lincoln	THREADED SLEEVE F.HOSE STUD, part no 432-23031-1,	Lincoln	Bộ	32
5	Đầu nối ống mỡ	TUBE,ST34-2 NBK D 6,0X 1,0 C ZISTA 07, part no 105-35025-2, nhà sản xuất Lincoln	ST34-2 NBK D 6,0X 1,0 C ZISTA 07	Lincoln	Mét	300
6	Ống mỡ	HOSE,HY200 NW 6X 740,STU10, part no 225-12487-7, nhà sản xuất Lincoln	HY200 NW 6X 740,STU10	Lincoln	Mét	4
7	Đầu nối ống mỡ	Đầu nối TB.FITT. ST G10-L CF, part no 223-12531-2, nhà sản xuất Lincoln	TB.FITT. ST G10-L CF	Lincoln	Bộ	20
8	Ống mỡ	TUBE,ST34-2 NBK D 8,0X 1,0 C ZISTA 07, part no 105-35025-3, nhà sản xuất Lincoln	ST34-2 NBK D 8,0X 1,0 C ZISTA 07	Lincoln	Mét	15
9	Bộ chia mỡ	Bộ chia mỡ MET.DEV. SSV 14-K, part no 619-28871-1, nhà sản xuất Lincoln	MET.DEV. SSV 14-K	Lincoln	Bộ	1
10	Bộ chia mỡ	Bộ chia mỡ MET.DEV. SSV 6-K, part no 619-26474-3, nhà sản xuất Lincoln	MET.DEV. SSV 6-K	Lincoln	Bộ	1
11	Bộ chia mỡ	Bộ chia mỡ MET.DEV. SSV 6-K, part no 619-26474-3, nhà sản xuất Lincoln	MET.DEV. SSV 6-K	Lincoln	Bộ	1



12	Bộ chia mỡ	Bộ chia mỡ MET.DEV. SSV 10, part no 619-26841-1, nhà sản xuất Lincoln	MET.DEV. SSV 10	Lincoln	Bộ	1
13	Bộ chia mỡ	Bộ chia mỡ MET.DEV. SSV 12-K, part no 619-25755-4, nhà sản xuất Lincoln	MET.DEV. SSV 12-K	Lincoln	Bộ	1
14	Bộ chia mỡ	Bộ chia mỡ MET.DEV. SSV 6-K, part no 619-26474-3, nhà sản xuất Lincoln	MET.DEV. SSV 6-K	Lincoln	Bộ	1
15	Bộ chia mỡ	Bộ chia mỡ MET.DEV. SSV 20-K, part no 619-28874-1, nhà sản xuất Lincoln	MET.DEV. SSV 20-K	Lincoln	Bộ	1
16	Đầu nối ống mỡ	Đầu kết nối TB.FITT. ST GE10-L G 1/8A CF, chi tiết 29, part no 223-13621-9, nhà sản xuất Lincoln	TB.FITT. ST GE10-L G 1/8A CF	Lincoln	Bộ	20
V	HỆ THỐNG PHUN SƯƠNG DẬP BỤI					
1	Bếp phun sương kho than	Spare Nozzles, mã đặt hàng FLS-Label-No. 2298	Spare Nozzles, mã đặt hàng FLS-Label-No. 2298		Cái	200
2	Bếp phun sương máy bốc dỡ than	axial hollow cone nozzle MS 60° 3/8"	nozzle MS 60° 3/8"		Cái	50

